**Thông qua công tác xét xử giám đốc thẩm vụ án Trần Minh C và các đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” bị hủy án để điều tra lại do bỏ lọt tội phạm và xét xử các bị cáo không đúng hình phạt, VKSND cấp cao tại Đà Nẵng thông báo rút kinh nghiệm chung như sau:**

**Tóm tắt nội dung vụ án**

Đường Thị N và chồng là Lê Văn K làm nghề mua bán thịt chó và có 01 xe ô tô tải để vận chuyển. Do quen biết vợ chồng N, K nên Trần Minh C giới thiệu Công Văn H đến lái xe cho N, mỗi chuyến được N trả tiền công 500 000 đồng. Trần Minh C nảy sinh ý định trộm cắp chó để bán cho N nên C, N, H cùng nhau bàn bạc thống nhất: C và một số đối tượng sẽ thực hiện việc bắt trộm chó thu gom vào rọ sắt đặt tại địa điểm tập kết; H sẽ điều khiển ô tô thu gom chó đem về nhà vợ chồng N, K tiêu thụ. Sau khi bàn bạc như trên, N trực tiếp đứng ra điều động và giao xe cho H để phối hợp với nhóm của C thực hiện việc bắt trộm chó. Khoảng 22 giờ ngày 17/10/2016, Trần Minh C cùng với 3 người chưa xác định được lai lịch điều khiển xe mô tô mang theo dụng cụ gồm: Thòng lọng, ná cao su, bao tải, băng keo, ớt bột… thực hiện bắt trộm được 27 con chó, Công Văn H dùng xe ô tô vận chuyển số chó trên về bán cho chị N thì bị bắt quả tang.

Bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 27 con chó có trọng lượng 358 kg trị giá 17 900 000 đồng.

**Quá trình giải quyết vụ án**

Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 06/9/2017 của TAND huyện S, tỉnh P áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt: Bị cáo Trần Minh C 01 năm tù; bị cáo Đường Thị N và bị cáo Công Văn H mỗi bị cáo 06 tháng tù.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 129/2017/HSST ngày 08/12/2017 của TAND tỉnh P không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh C, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo N và bị cáo H, áp dụng thêm Điều 47 BLHS năm 1999, tuyên xử mỗi bị cáo 05 tháng tù.

Ngày 11/5/2018, Viện trưởng VKSND cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đề nghị TAND cấp cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy Bản án hình sự phúc thẩm và Bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại, xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Văn K với vai trò đồng phạm và xét xử các bị cáo Trần Minh C, Đường Thị N, Công Văn H theo điểm a khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999.

Quyết định giám đốc thẩm số 32/2018/HS-GĐT ngày 07/8/2018 của Ủy ban Thẩm phán TAND cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy Bản án hình sự phúc thẩm và Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên để điều tra lại.

**Những vấn đề cần rút kinh nghiệm**

Bản án hình sự sơ thẩm và Bản án hình sự phúc thẩm tuyên xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng tội danh. Tuy nhiên, Tòa án hai cấp áp dụng khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 để xét xử các bị cáo là không đúng khung hình phạt. Bởi lẽ trong vụ án, bị cáo C là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp; bị cáo N là người điều động xe ô tô để vận chuyển, chuẩn bị sẵn rọ sắt trên xe để nhốt chó và tiêu thụ tài sản trộm cắp được; bị cáo H lái xe theo sự chỉ đạo của N đến địa điểm tập kết để chở chó trộm cắp được về cho N. Để việc trộm cắp trót lọt, các bị cáo đã lên kế hoạch, chuẩn bị cụ thể và thực hiện đúng như kế hoạch đã vạch ra. Hành vi phạm tội của các bị cáo luôn có sự giúp sức, hỗ trợ, phối hợp cho nhau, mỗi bị cáo đều có vai trò cụ thể, không tách rời nhau. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo phải bị xét xử theo điểm a khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 với tình tiết định khung “Có tổ chức” mới đúng tính chất của vụ án.

Ngoài ra, các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện Lê Văn K (chồng N) là người cùng bàn bạc, trao đổi việc trộm cắp chó với các bị cáo C, H, N; đồng thời K cũng hứa hẹn việc tiêu thụ tài sản trộm cắp, địa điểm tập kết chó trộm cắp được và chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội. Các bị cáo N và H đều thừa nhận K biết việc sử dụng ô tô để chở chó trộm cắp; bị cáo H còn khẳng định K chính là người giao xe cho H và đếm số chó trộm cắp được tại điểm tập kết. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định Lê Văn K là đồng phạm với các bị cáo trong vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm chưa phân tích, đánh giá đúng tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo; chưa nghiên cứu kỹ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án dẫn đến xét xử mức án nhẹ, không đúng khung hình phạt, bỏ lọt tội phạm.

<https://vksndtc.gov.vn/tin-chi-tiet-7677>